FireAnt

CTCP Thực phẩm Bích Chi (HNX: BCF)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	29,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,060
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,806
SL cổ phiếu LH	33,897,213
KLGD BQ 20 phiên (CP)	300
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	983
P/E	11.2
EPS	2,587

	YTD	1T	3T	6T
BCF	3.2%	-5.4%	1.5%	2.8%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản

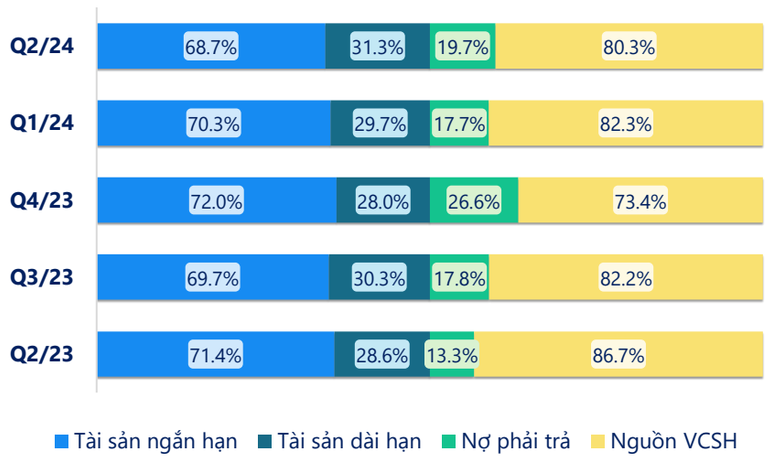

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

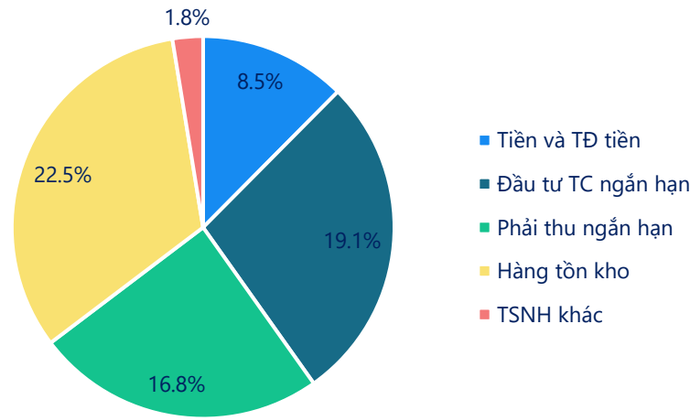

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

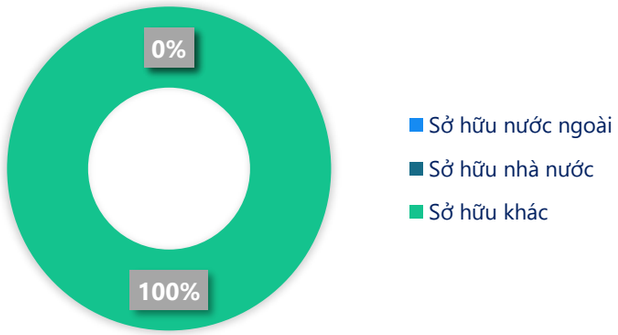

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

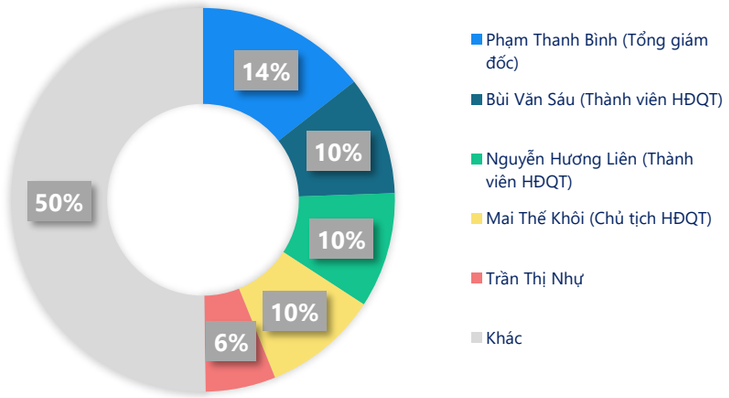

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

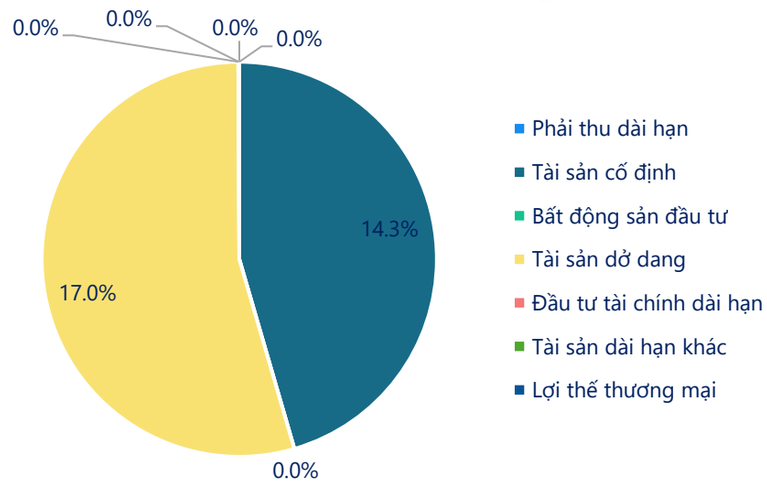

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thực phẩm Bích Chi (HNX: BCF)

Tiền và tương đương tiền

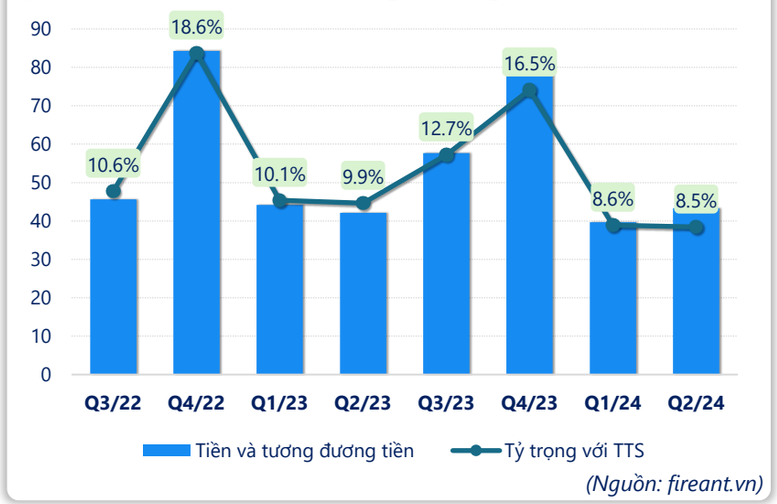

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

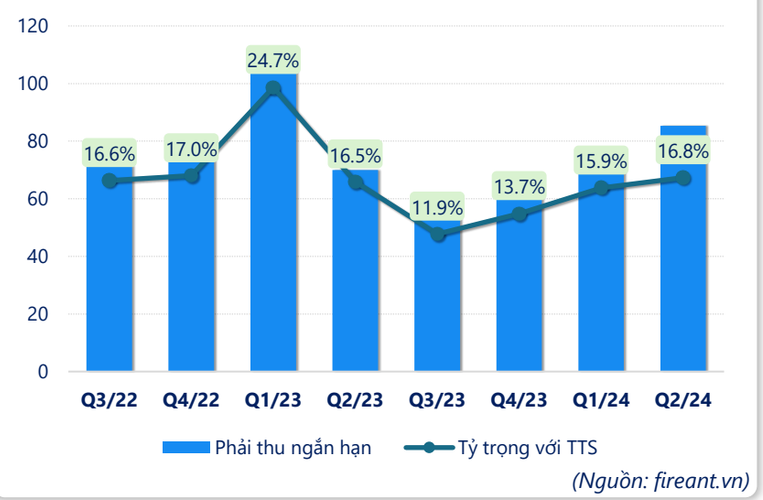

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

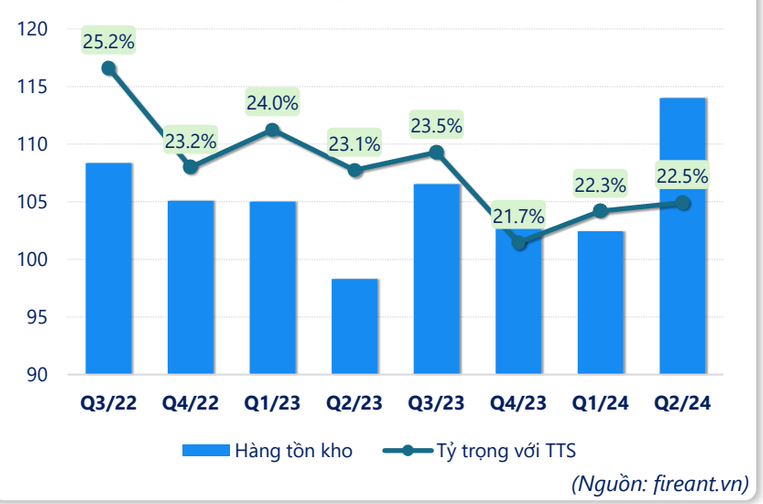

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

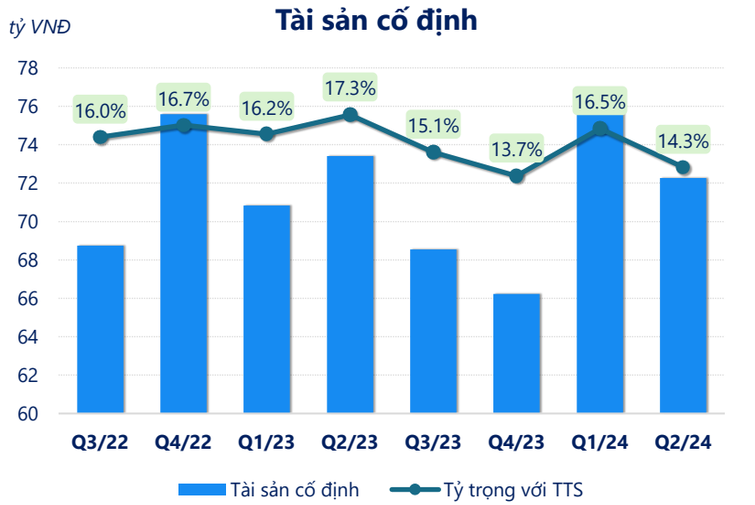

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

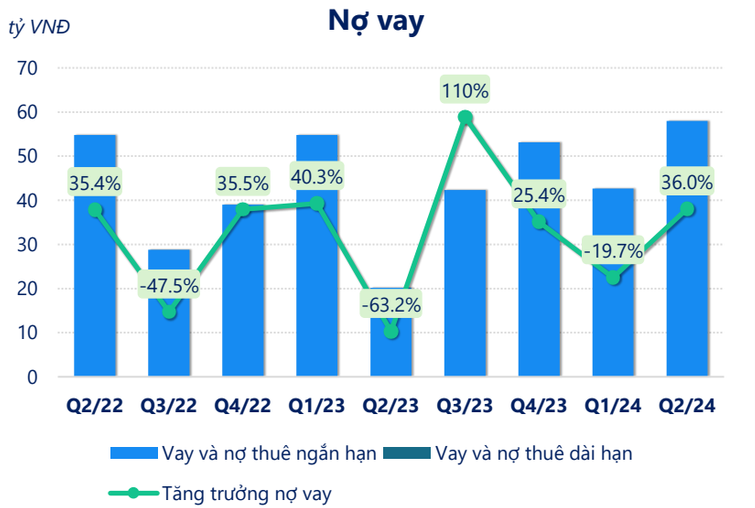

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

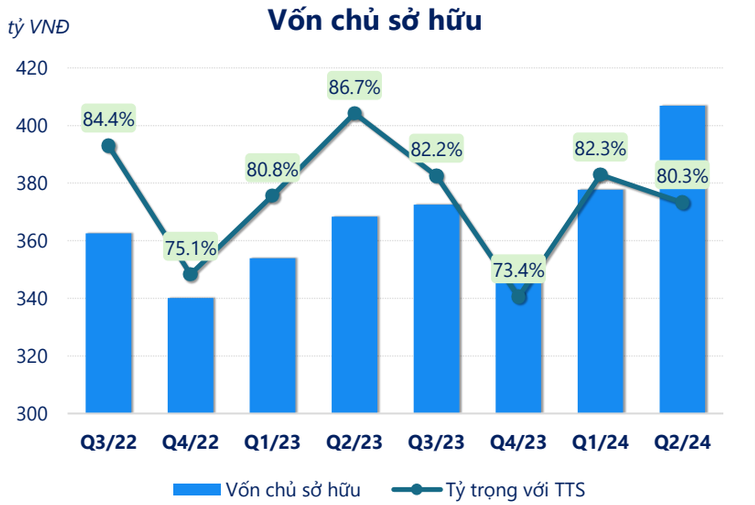

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thực phẩm Bích Chi (HNX: BCF)

Kết quả kinh doanh

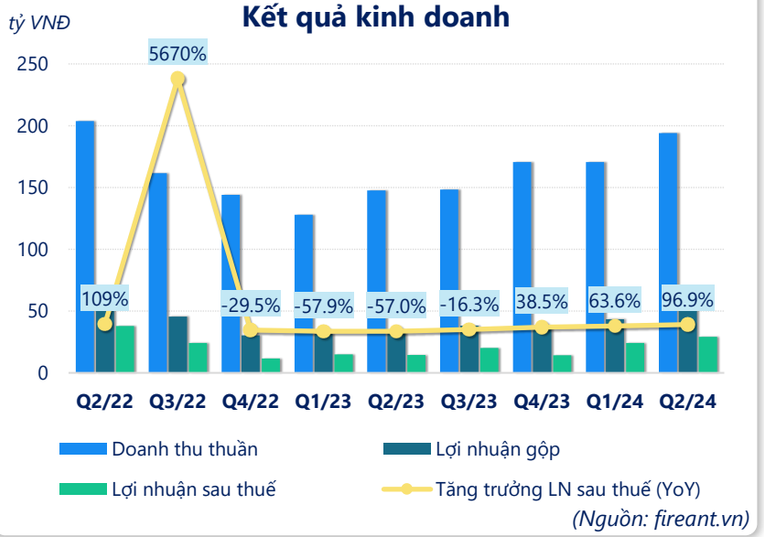

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

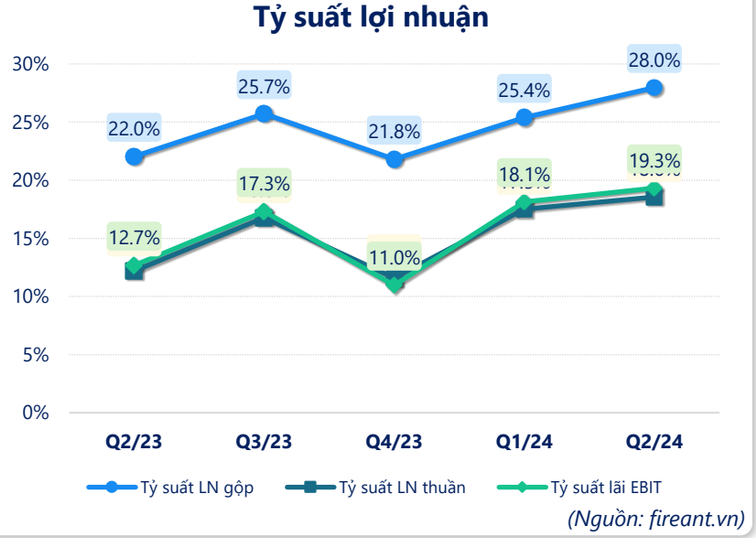

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

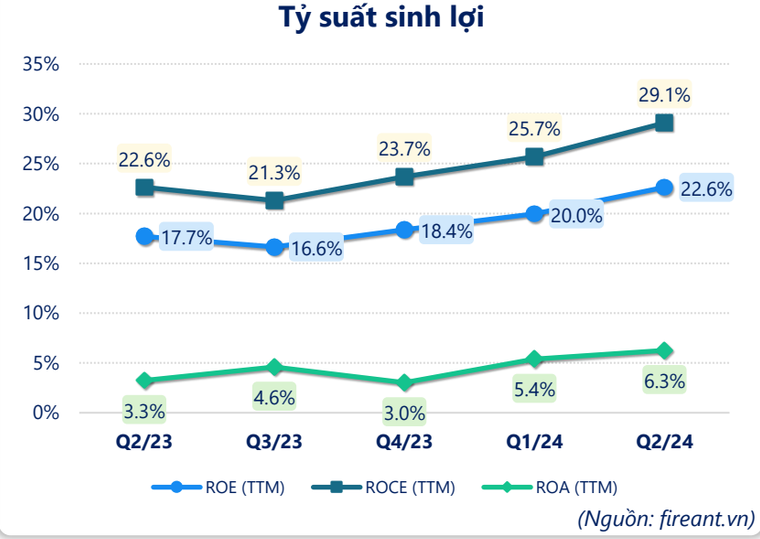

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

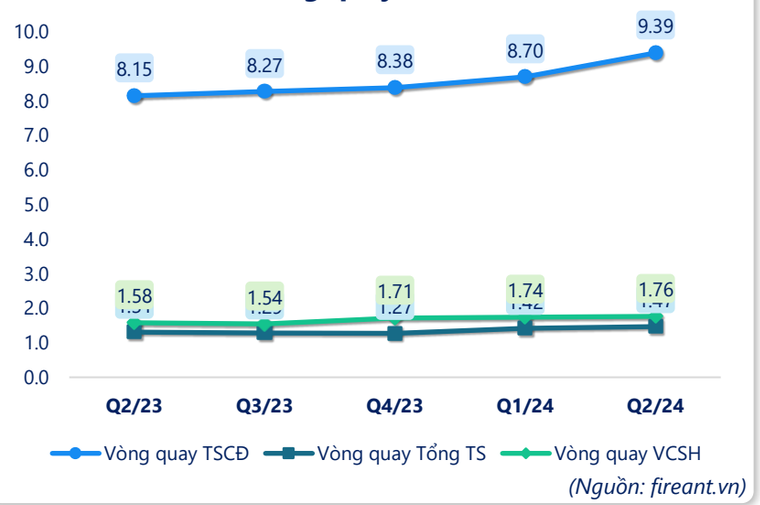

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

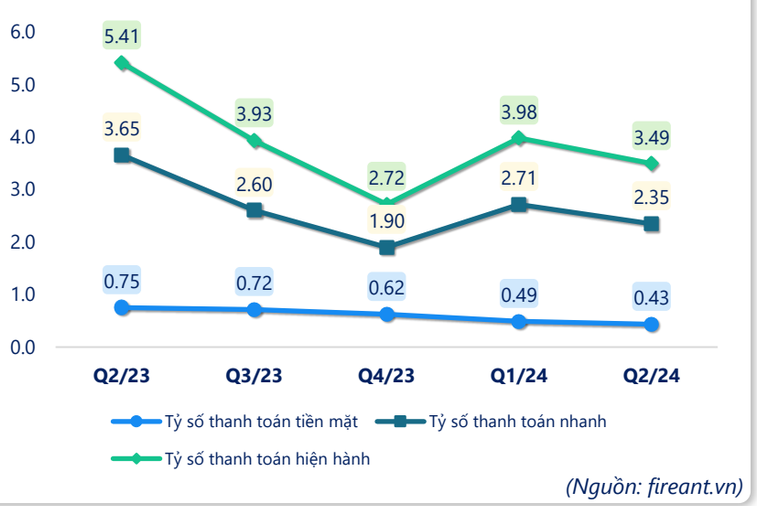

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

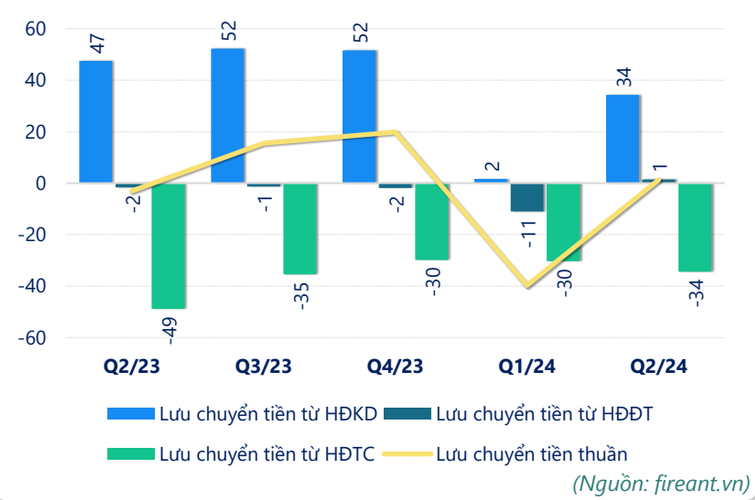

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thực phẩm Bích Chi (HNX: BCF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**507**	**481**	**5.3%**
Tài sản ngắn hạn	348	346	0.5%
Tiền và tương đương tiền	43.3	79.4	-45.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	96.6	89.1	8.5%
Phải thu ngắn hạn	85.3	65.9	29.4%
Hàng tồn kho	114	104	9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	8.97	7.60	18.0%
Tài sản dài hạn	**159**	**135**	**17.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	72.3	66.2	9.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	86.4	68.7	25.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.13**	**0.16**	**-16.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	100	128	-21.7%
Nợ ngắn hạn	**99.8**	**127**	**-21.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.0	53.1	9.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.3	15.5	-7.7%
Nợ dài hạn	0.34	0.34	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**407**	**354**	**15.1%**
Vốn chủ sở hữu	**407**	**354**	**15.1%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	148	148	171	171	194
Giá vốn hàng bán	115	110	133	127	140
Lợi nhuận gộp	32.5	38.1	37.2	43.3	54.2
Doanh thu HĐTC	4.68	1.79	5.27	1.86	5.65
Chi phí TC	0.70	0.64	1.24	0.85	1.74
Chi phí lãi vay	0.44	0.30	0.47	0.65	0.83
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.8	8.78	13.8	8.66	14.5
Chi phí QLDN	6.74	5.62	7.66	5.83	7.59
LN thuần từ HĐKD	18.0	24.9	19.8	29.9	36.0
Lợi nhuận khác	0.29	0.49	-1.54	0.46	0.65
LN trước thuế	18.3	25.4	18.2	30.3	36.6
Lợi nhuận sau thuế	14.5	20.3	14.1	24.1	29.2
LNST của CĐ cty mẹ	14.5	20.3	14.1	24.1	29.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.5	52.3	51.6	1.62	34.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.67	-1.33	-1.92	-11.0	1.38
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.8	-35.4	-29.8	-30.3	-34.4
Tiền đầu kỳ	44.2	42.1	57.6	79.4	39.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.00**	**15.5**	**19.8**	**-39.6**	**1.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.93	0	1.87	0	2.32
Tiền cuối kỳ	42.1	57.6	79.4	39.7	43.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic